

Bản án số 37/2025/HS-PT
Ngày 14/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường

ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 455/2024/TLPT-HS ngày 19/9/2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn Q** và các bị cáo khác về các “Tội đưa hối lộ” và “Tội nhận hối lộ” do các bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2482/2024/QĐXXPT-HS ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 14/02/1986, tại **huyện D, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **K375/33 N, tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH N1**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Lương Thị L**; vợ là **Nguyễn Thị H** và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Kim V**, sinh ngày 24/10/1977, tại **huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Giáo dục và **Đào tạo huyện T**, tỉnh Quảng Nam; là đảng viên đã bị Tỉnh ủy Quảng Nam thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng (theo Quyết định số 1288-QĐ/TU

ngày 14/3/2024); trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ tu; tôn giáo: không; con ông **Lê Ka V1** và bà **Nguyễn Thị C**; có chồng là **Lê Hoàng L1** và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2024, đến ngày 17/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”, hiện tại ngoại, vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa.

3. **Nguyễn Tấn L2**, sinh ngày 01/11/1978, tại **huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Tổ G, thôn T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: nguyên Chánh Văn phòng **huyện ủy N2**; là đảng viên đã bị Tỉnh ủy Quảng Nam thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng (theo Quyết định số 1388-QĐ/TU, ngày 15/5/2024); trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Hữu Q1** và bà **Nguyễn Thị N**; có vợ là **Nguyễn Thị L3** và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2024, đến ngày 05/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”, hiện tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 15/9/1965, tại **thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **69 C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch **Liên đoàn Lao động huyện B, tỉnh Quảng Nam**; là đảng viên đã bị Tỉnh ủy Quảng Nam thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng (theo Quyết định số 1381-QĐ/TU, ngày 15/5/2024); trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn S** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T2** (đã chết); có vợ là **Trần Thị Thu T3** và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2024, đến ngày 05/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”, hiện tại ngoại, có mặt.

5. **Nguyễn Thị Thanh T4**, sinh ngày 17/7/1977, tại **thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Số A G, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH T8**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Xuân T5** và bà **Nguyễn Thị Phương L3**; có chồng là **Phạm Tấn V2** và có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/12/2022, đến ngày 17/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Nguyễn Đức T6**, nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn Q**: Luật sư **Nguyễn Thành L4 - Công ty L6**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **A N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Lê Kim V**: Luật sư **Nguyễn S1 - Văn phòng L7**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **Lô S đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Tấn L2**: Luật sư **Hoàng Văn H1 - Công ty L8**; địa chỉ: **C ngõ A, Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội**, vắng mặt có gửi bản luận cứ bào chữa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Năm 2019 và 2020, **Phòng G** (viết tắt là Phòng GDĐT) các **huyện B, T, N** được giao làm chủ đầu tư tổ chức đấu thầu 07 gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng trong giáo dục với tổng mức đầu tư là 19.680.000.500 đồng, trong đó cụ thể như sau:

- Phòng GDĐT **huyện T** tổ chức đấu thầu 04 gói thầu với tổng mức đầu tư 9.977.689.500 đồng.

- Phòng GDĐT **huyện N** tổ chức đấu thầu 02 gói thầu với tổng mức đầu tư 3.900.820.000 đồng.

- Phòng GDĐT **huyện B** tổ chức đấu thầu 01 gói thầu với tổng mức đầu tư 5.802.285.000 đồng.

Quá trình tổ chức đấu thầu, **Nguyễn Văn Q** (sinh năm 1986, trú: **K N, Tổ C, phường A, quận T, Thành phố Đà Nẵng**) là Giám đốc **Công ty Trách nhiệm hữu hạn ()** một thành viên (MTV) **Nông Trí P** đã có hành vi thông đồng với đơn vị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đơn vị thẩm định giá để **Công ty TNHH MTV N1** và 02 Công ty do **Nguyễn Văn Q** mượn pháp nhân, hợp tác kinh doanh (**Công ty TNHH T9** và **Công ty TNHH T8**) trúng thầu 07 gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng trong giáo dục tại Phòng GDĐT các **huyện N, T, Bắc Trà M** với tổng giá trị là 19.680.000.500 đồng. Sau khi trúng thầu các gói thầu nói trên, **Nguyễn Văn Q** đã chi cho các cán bộ tại 03 Phòng GDĐT số tiền là 2.177.000.000 đồng.

1. Phòng GDĐT **huyện T** tổ chức đấu thầu 04 gói thầu:

Năm 2020, Phòng GDĐT **huyện T** được phân bổ nguồn vốn đầu tư mua sắm trang thiết bị theo chương trình 775, nguồn vốn chi thường xuyên, nguồn vốn nông thôn mới để tổ chức 04 gói thầu mua sắm trang thiết bị giáo dục. Trước khi tổ chức đấu thầu 04 gói thầu này **Nguyễn Văn Q** đến gặp **Lê Kim V** (Trưởng phòng GDĐT **huyện T**) và nhờ tạo điều kiện để được trúng thầu các gói thầu này. **Lê Kim V** đã giới thiệu **Q** đến gặp **Nguyễn Đức T6 - Kế toán Phòng**

GDĐT huyện T để làm việc liên quan đến các gói thầu, quá trình trao đổi Q nhờ T6 tạo điều kiện giúp đỡ để được trúng thầu, T6 yêu cầu Q phải chi số tiền tương ứng 17% giá trị gói thầu, trong đó chi cho Lê Kim V 10% và T6 7%, Q đồng ý nội dung này. Quá trình tổ chức thực hiện, T6 cung cấp cho Q danh mục hàng hoá cần mua sắm theo các gói thầu và Q cung cấp đơn giá từng mặt hàng để T6 làm căn cứ lập kế hoạch mua sắm, đồng thời Quốc cung thông số kỹ thuật các mặt hàng như tivi, máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy in để T6 làm căn cứ lập yêu cầu thẩm định giá. Ngoài ra Q còn giới thiệu Công ty Cổ phần T10 Chi nhánh Đ và Công ty TNHH MTV X (Công ty TNHH X) để liên hệ ký hợp đồng thẩm định giá, hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu (HSMT), đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT). Quá trình lập hồ sơ mời thầu Q trao đổi với T6 và Nguyễn Trường V3 - Giám đốc Công ty X đưa thêm một số tiêu chí vào hồ sơ mời thầu như: Văn bản cam kết cung cấp bản gốc (hoặc chứng thực bởi cơ quan chức năng), giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O), giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q), hồ sơ hải quan về nhập khẩu hàng hoá, thiết bị tại cảng đến; văn bản cam kết cung cấp phiếu xuất xưởng của hàng hoá sản xuất trong nước, cung cấp thông báo tiếp nhận công bố hợp quy của cơ quan trực thuộc Bộ T11...; yêu cầu nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện tại tỉnh Quảng Nam, Thành phố Đà Nẵng; nhà thầu phải có Giấy chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2005, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018; cán bộ chủ chốt có trình độ đại học chuyên ngành giáo dục tiểu học, tin học, thư viện - thông tin học, công nghệ thông tin,... Trong khi hàng hóa của gói thầu là thông dụng, phổ biến trên thị trường, đồng thời nội dung của gói thầu không yêu cầu về đào tạo, chuyển giao công nghệ mà chủ yếu là mua sắm hàng hóa nhằm làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu khác. Đồng thời, T6 và Q đã trao đổi với Mai Văn T7 - Công ty Cổ phần T10 Chi nhánh Đ nhằm thực hiện thẩm định và ban hành chứng thư theo giá dự toán của Phòng GDĐT huyện T.

Kết quả sau khi chấm thầu 04 gói thầu này thì các Công ty của bị cáo Nguyễn Văn Q đã trúng thầu, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV N1 do Q làm Giám đốc đã trúng 02 gói thầu. Cụ thể:

+ Gói thầu 1: Gói thầu mua sắm trang thiết bị mầm non, tiểu học và trung học cơ sở năm 2020, giá trúng thầu: 1.575.763.000 đồng.

+ Gói thầu 2: Gói thầu Mua sắm thiết bị dạy lớp 1 năm học 2020 - 2021, giá trúng thầu: 775.503.000 đồng;

- Công ty TNHH T9 (Công ty TNHH T9) do Q thông đồng mượn pháp nhân, trúng thầu:

+ Gói thầu 3: Gói thầu mua sắm trang thiết bị tối thiểu, bàn ghế học sinh, đồ dùng nội trú, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp năm 2020, giá trúng thầu: 4.439.000.000 đồng.

- Công ty TNHH T8 (Công ty T8) do bị cáo Nguyễn Thị Thanh T4 làm Giám đốc, trúng thầu:

+ Gói thầu 4: Gói thầu mua sắm trang thiết bị mầm non, tiểu học và trung học cơ sở năm 2020, giá trúng thầu: 3.110.900.000 đồng.

Sau khi được tạo điều kiện giúp đỡ để trúng 04 gói thầu với tổng giá trị trúng thầu là 9.977.689.500 đồng, theo thỏa thuận từ trước bị cáo Nguyễn Văn Q đã đưa số tiền 1.526.000.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Văn Q đưa cho Nguyễn Đức T6 số tiền 628.000.000 đồng, đưa cho Lê Kim V số tiền 898.000.000 đồng (Q đưa trực tiếp V số tiền 403.000.000 đồng, đưa cho T6 để nhờ T6 đưa cho V số tiền 495.000.000 đồng).

2. Phòng GD&ĐT huyện N: Tổ chức đấu thầu 02 gói thầu với tổng mức đầu tư 3.900.820.000 đồng.

+ Gói thầu 1: Gói thầu mua sắm thiết bị phục vụ dạy và học ngành giáo dục và đào tạo năm 2019, giá trúng thầu: 2.179.675.000 đồng.

+ Gói thầu 2: Mua sách lớp 1 và trang thiết bị dạy học từ nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020, giá trúng thầu: 1.664.345.400 đồng.

Quá trình tổ chức thực hiện 02 gói thầu nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn Q gặp gỡ Nguyễn Tấn L2 (Trưởng phòng GD&ĐT huyện N) giới thiệu sản phẩm thiết bị điện tử (ti vi, máy tính,...) và nhờ tạo điều kiện thuận lợi để được trúng thầu. Nguyễn Tấn L2 đồng ý giúp Q, sau đó chỉ đạo cho các Kế toán được giao nhiệm vụ là Lê Thị L5, Hồ Thị Ngọc P1 thực hiện việc lập thủ tục, tổ chức đấu thầu. Quá trình thực hiện, L5 và P1 đã trao đổi với Nguyễn Văn Q các nội dung liên quan đến việc triển khai gói thầu, Q cung cấp cấu hình, thông số kỹ thuật và giá hàng hoá điện tử để L5, P1 lập dự toán và thuê đơn vị thẩm định giá.

Sau khi có kết quả dự toán và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Phòng GD&ĐT huyện N đã ký hợp đồng với Công ty TNHH T12 làm đơn vị tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT. Trong quá trình lập HSMT, Lê Thị L5 và Hồ Thị Ngọc P1 đã chuyển dự thảo hồ sơ mời thầu cho bị cáo Nguyễn Văn Q để Q bổ sung thêm các yêu cầu về kỹ thuật hàng hoá, tiêu chí vào HSMT. Công ty TNHH T9 do bị cáo Quốc mượn pháp nhân đã trúng 02 gói thầu tại Phòng GD&ĐT huyện N, với tổng giá trị trúng thầu là 3.900.820.000 đồng.

Sau khi trúng 02 gói thầu trên, Nguyễn Văn Q theo thỏa thuận đã đưa cho Nguyễn Tấn L2 lần lượt là 200.000.000 đồng và 151.000.000 đồng. Tổng số tiền L2 đã nhận từ Q là 351.000.000 đồng.

3. Phòng GD&ĐT huyện B: Tổ chức đấu thầu gói thầu mua sắm tập trung tài sản cho các đơn vị trường học năm 2019, giá trị gói thầu 5.795.200.000 đồng.

Năm 2019, Phòng GD&ĐT huyện B được phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên để triển khai gói thầu, Q đến gặp Nguyễn Thanh T1 để nhờ T1 tạo điều kiện giúp đỡ được trúng thầu. T1 đồng ý giúp và chỉ đạo cho bà Nguyễn Thu H2 trao đổi với Q để triển khai thực hiện việc đấu thầu.

Sau đó, Q cung cấp cho H2 03 báo giá để lập kế hoạch mua sắm và cung cấp thông số kỹ thuật của hàng hoá như máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy phát điện, ti vi, máy in để H2 lập danh mục hàng hoá mua sắm, bị cáo Q giới thiệu đơn vị thẩm định giá là Công ty Cổ phần T10 Chi nhánh Đ để H2 liên hệ thuê thẩm định giá.

Do Công ty TNHH N1 không đủ năng lực tham gia dự thầu, do đó bị cáo Quốc mượn pháp nhân Công ty TNHH T9 để tham gia dự thầu. Quá trình lập HSDT, Q là người lập nội dung về thông số kỹ thuật, các văn bản cam kết hỗ trợ của nhà sản xuất, tài liệu quảng cáo hàng hóa đối với các mặt hàng điện tử, máy phát điện, giá dự thầu; đồng thời Quốc mượn bằng tốt nghiệp đại học của Nguyễn Thị Lan V4 đưa vào HSDT để đảm bảo yêu cầu về năng lực chuyên môn. Kết quả đấu thầu, Công ty TNHH T9 do Q mượn pháp nhân tham gia đấu thầu và trúng thầu với giá 5.795.200.000 đồng.

Sau khi trúng thầu, Nguyễn Văn Q đã đưa cho Nguyễn Thanh T1 số tiền 300.000.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 2.563.000.000 đồng do các bị cáo nộp khắc phục hậu quả, được gửi vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9046393 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 07/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thanh T4 phạm tội “Đưa hối lộ”; các bị cáo Lê Kim V, Nguyễn Tấn L2 và Nguyễn Thanh T1 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Căn cứ khoản 4 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 28/12/2022.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T4 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó (từ ngày 28/12/2022 đến ngày 18/01/2023).

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Kim V 07 (bảy) năm tù. Thời

hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó (từ ngày 11/4/2024 đến ngày 17/6/2024).

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo [Nguyễn Tấn L2](#) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó (từ ngày 11/4/2024 đến ngày 05/6/2024).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thanh T1](#) 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó (từ ngày 11/4/2024 đến ngày 05/6/2024).

Bản án sơ thẩm còn có quyết định hình phạt đối với bị cáo [Nguyễn Đức T6](#), quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên bố quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo [Nguyễn Tấn L2](#) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.
- Bị cáo [Nguyễn Thị Thanh T4](#) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.
- Bị cáo [Lê Kim V](#) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo [Nguyễn Thanh T1](#) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo có mặt giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:
 - + Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.
 - + Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo [Nguyễn Văn Q](#), [Lê Kim V](#) và [Nguyễn Tấn L2](#); đề nghị cho hưởng án treo đối với bị cáo [Nguyễn Thanh T1](#) và bị cáo [Nguyễn Thị Thanh T4](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập họp lệ nhiều lần; bị cáo **Lê Kim V** xin hoãn phiên tòa, bị cáo **L2** vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Lời khai của các bị cáo có mặt tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét có đủ cơ sở xác định: Năm 2019 và 2020, **Phòng G** (viết tắt là Phòng GDĐT) các **huyện B, T, N** được giao làm chủ đầu tư tổ chức đấu thầu 07 gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng trong giáo dục với tổng mức đầu tư 19.680.000.500 đồng, cụ thể: Phòng GDĐT huyện **T** tổ chức đấu thầu 04 gói thầu với tổng mức đầu tư 9.977.689.500 đồng; Phòng GDĐT **huyện N** tổ chức đấu thầu 02 gói thầu với tổng mức đầu tư 3.900.820.000 đồng; Phòng GDĐT **huyện B** tổ chức đấu thầu 01 gói thầu với tổng mức đầu tư 5.802.285.000 đồng. Quá trình thực hiện các gói thầu trên, các bị cáo **Lê Kim V, Nguyễn Đức T6, Nguyễn Tấn L2, Nguyễn Thanh T1** là chủ đầu tư đã có hành vi thông đồng với **Nguyễn Văn Q** để tạo điều kiện cho Công ty của **Q** và các Công ty do **Q** mượn pháp nhân trúng 07 gói thầu với trị giá 19.680.000.500 đồng. Sau khi trúng thầu, **Nguyễn Văn Q** đã chi lại cho **Lê Kim V, Nguyễn Đức T6, Nguyễn Tấn L2, Nguyễn Thanh T1** tổng số tiền 2.177.000.000 đồng, cụ thể:

- Bị cáo **Nguyễn Văn Q** là Giám đốc Công ty TNHH MTV **N1** đã có hành vi thông đồng với đơn vị chủ đầu tư là Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện **T, N, Bắc Trà M** và các đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đơn vị thẩm định giá để các công ty của **Q** trúng 07 gói thầu với tổng giá trị là 19.680.000.500 đồng. Sau khi trúng thầu và được thanh toán, **Nguyễn Văn Q** đã 07 lần đưa tiền hối lộ cho các bị cáo **Lê Kim V, Nguyễn Đức T6, Nguyễn Thanh T1** và **Nguyễn Tấn L2** với tổng số tiền 2.177.000.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T4** là Giám đốc Công ty TNHH **T8, T4** đã hợp tác cùng **Nguyễn Văn Q** thực hiện gói thầu tại Phòng Giáo dục và Đào tạo **huyện T**, trị giá gói thầu 3.110.900.000 đồng. Quá trình thực hiện **Nguyễn Văn Q** đã trao đổi với **T4** phải chi số tiền tương ứng 17% giá trị gói thầu cho **Lê Kim V** và **Nguyễn Đức T6**, trong đó chi cho **V** 10 %, chi cho **T6** 7%, **T4** thống nhất nội dung chi và cùng **Q** thực hiện gói thầu. Sau khi Công ty của **T4** và **Q** trúng thầu và được thanh toán, **Nguyễn Thị Thanh T4** đã đưa cho **Q** số tiền 239.500.000 đồng để **Q** đưa hối lộ cho **Lê Kim V** và **Nguyễn Đức T6**.

- Bị cáo **Lê Kim V** là Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo **huyện T**, trước khi tổ chức đấu thầu 04 gói thầu, bị cáo **Nguyễn Văn Q** đến gặp **Lê Kim V** và nhờ tạo điều kiện để được trúng thầu các gói thầu này. **Lê Kim V** đã giới thiệu **Q** đến gặp **Nguyễn Đức T6** để làm việc liên quan đến các gói thầu, **T6** yêu cầu **Q** phải chi số tiền tương ứng 17% giá trị gói thầu, trong đó chi cho **V** 10%, chi cho **T6** 7%. Sau khi **Q** trúng thầu và được thanh toán, **V** đã nhận trực tiếp từ **Q** 403 triệu đồng, thông qua **T6** nhận từ **Quốc** 495 triệu đồng. Tổng cộng, **Lê Kim V** đã nhận hối lộ số tiền 898.000.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Tấn L2** là Trưởng **Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện N**, trong quá trình tổ chức đấu thầu, **Q** trao đổi bàn bạc nhờ **L2** giúp đỡ để trúng 02 gói thầu, **Nguyễn Tấn L2** đã chỉ đạo cho kế toán phối hợp, trao đổi với **Q**. Sau khi các Công ty của **Q** trúng thầu và được thanh toán, **Nguyễn Tấn L2** đã nhận tiền hối lộ do **Nguyễn Văn Q** đưa trực tiếp 02 lần với tổng số tiền 351.000.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Thanh T1** là Trưởng **Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B**, trong quá trình tổ chức đấu thầu, **Q** trao đổi bàn bạc nhờ **T1** giúp đỡ để trúng 01 gói thầu, **Nguyễn Thanh T1** đã chỉ đạo cho kế toán phối hợp, trao đổi với **Q**. Sau khi các Công ty của **Q** trúng thầu và được thanh toán, **Nguyễn Thanh T1** đã nhận tiền hối lộ do **Nguyễn Văn Q** đưa trực tiếp 01 lần với số tiền 300.000.000 đồng.

Do các bị cáo có hành vi phạm tội nêu trên nên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HSST ngày 07/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm vào “Tội đưa hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự; **Nguyễn Thị Thanh T4** phạm vào “Tội đưa hối lộ” quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; **Lê Kim V** phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật Hình sự; **Nguyễn Tấn L2** phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự; **Nguyễn Thanh T1** phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo **Nguyễn Văn Q**, **Nguyễn Đức T6**, **Lê Kim V**, **Nguyễn Tấn L2**, **Nguyễn Thanh T1**, Hội đồng xét xử thấy :

Bị cáo **Nguyễn Văn Q** nhiều lần đưa hối lộ, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Lê Kim V** nhiều lần nhận hối lộ, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Tấn L2** nhiều lần nhận hối lộ, nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, tuy nhiên tình tiết này đã áp dụng là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **L2**.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa:

- Bị cáo **Nguyễn Văn Q** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chủ động khai báo cụ thể số tiền đưa hối lộ cho từng người, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc nhanh chóng phát hiện tội phạm, làm sáng tỏ vụ án nên từ lời khai của bị cáo **Q** đã xử lý được các bị cáo khác về hành vi nhận hối lộ; do đó, bị cáo **Q** được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo [Nguyễn Thị Thanh T4](#) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo [Lê Kim V](#), [Nguyễn Tấn L2](#), [Nguyễn Thanh T1](#) thành khẩn khai báo từ giai đoạn điều tra cho đến khi xét xử, thể hiện sự ăn năn hối cải; các bị cáo đã có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được cơ quan có thẩm quyền tặng các danh hiệu Kỷ niệm chương về sự nghiệp giáo dục, khuyến học, Bằng khen, Giấy khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; gia đình các bị cáo [Nguyễn Thị Thanh T4](#), [Lê Kim V](#), [Nguyễn Tấn L2](#), [Nguyễn Thanh T1](#) có công với cách mạng. Các bị cáo bị xét xử về “Tội nhận hối lộ” đã nộp lại toàn bộ số tiền nhận hối lộ để khắc phục hậu quả nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) thấy bị cáo Quốc phạm vào “Tội đưa hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Bị cáo [Q](#) bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo [Q](#) 09 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo [Nguyễn Tấn L2](#) thấy bị cáo Lộc phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Bị cáo [L2](#) không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt 03 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo [Lê Kim V](#), thấy bị cáo Vân phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại khoản 3 Điều 354 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm. Bị cáo [V](#) bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo [V](#) có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt 07 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Thanh T1** thấy bị cáo **T1** phạm vào “Tội nhận hối lộ” quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Bị cáo **T1** không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt 03 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T4** thấy bị cáo **T4** phạm vào “Tội đưa hối lộ” quy định tại khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Bị cáo **T4** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo **T4** không trực tiếp gặp gỡ, trao đổi cũng như không trực tiếp đưa tiền hối lộ cho các bị cáo nhận hối lộ, chỉ tham gia một gói thầu liên danh với bị cáo **Q**, sau đó được bị cáo **Q** thông báo là phải chi lại số tiền hối lộ thì bị cáo **T4** đồng ý và đưa tiền cho **Q** để **Q** đưa hối lộ; như vậy, bị cáo **T4** đưa hối lộ thụ động, phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm và có vai trò không đáng kể, đồng thời được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **T4** 15 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã có chiều cố nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 4 Điều 364; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q 09** (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội đưa hối lộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2022.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Lê Kim V 07** (bảy) năm tù về “Tội nhận hối lộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 11/4/2024 đến ngày 17/6/2024.

Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn L2 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội nhận hối lộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 11/4/2024 đến ngày 05/6/2024.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1 03** (ba) năm tù về “Tội nhận hối lộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 11/4/2024 đến ngày 05/6/2024.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T4 15** (mười lăm) tháng tù về “Tội đưa hối lộ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 28/12/2022 đến ngày 18/01/2023.

* Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Án phí hình sự phúc thẩm: **Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thanh T4, Lê Kim V, Nguyễn Tấn L2, Nguyễn Thanh T1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Kim Nhân